TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 1367/LĐLĐ
V/v báo cáo số liệu phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS năm 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 10 năm 2021

Kính gửi:
- Liên đoàn Lao động huyện, thị xã, TP, CĐ ngành và tương đương;
- Các Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Các Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn ngành TW, Công đoàn Tổng Công ty đóng trên địa bàn.

Thực hiện nhiệm vụ báo cáo định kỳ năm 2021, Liên đoàn Lao động tỉnh đề nghị các đơn vị báo cáo số liệu về phát triển đoàn viên, thành lập Công đoàn cơ sở năm 2021 như sau:

1. Báo cáo tổng hợp số liệu chính xác, phân tích đúng diễn biến tăng, giảm đoàn viên, CNVCLĐ; tăng, giảm CĐCS trong năm 2021 (*Biểu mẫu số 01)*.

2. Thống kê chi tiết từng loại hình công đoàn cơ sở *(biểu số 02).*

Đối với LĐLĐ các huyện, thị xã, thành phố có nghiệp đoàn nghề cá thì báo cáo số liệu về nghiệp đoàn cơ sở (*Biểu mẫu số 03).*

Các biểu mẫu báo cáo gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh *(qua Ban Tổ chức-Kiểm tra)* trước ngày **10/11/2021** bằng văn bản và qua địa chỉ mail: *vo.thanhtien135@gmail.com.*

Đề nghị các đơn vị báo cáo đúng thời gian và bảo đảm chính xác./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Lưu: VT, Tổ chức-KT.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Trần Quang Tòa

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI
.....
Số /BC-LĐLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 202...

Biểu số 1

BÁO CÁO
Số liệu đoàn viên, công đoàn cấp cơ sở năm 202...
(Chỉ báo cáo số liệu công đoàn ngành, tổng công ty hoặc địa phương trực tiếp quản lý)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng đầu kỳ báo cáo *(SL kỳ cuối của BC trước)*	Số lượng cuối kỳ báo cáo *(số liệu thời điểm BC)*	Chênh lệch so với đầu kỳ	Phân tích diễn biến số lượng			
						Các yếu tố tăng		Các yếu tố giảm	
						Phát triển mới	Chuyển đến	Chuyển đi	Giảm khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5-4*	*7 = 6 - 8+9+10*	*8*	*9*	*10*
I/	**TỔNG SỐ CNVCLĐ**	người			*0*				
	Riêng CNVCLĐ khu vực ngoài nhà nước:	"			*0*				
II/	**TỔNG SỐ DOANH NGHIỆP, TRONG ĐÓ**	Đơn vị			*0*				
1	**Số DN có vốn đầu tư nước ngoài**	"			*0*	**Phần này: là phần cung cấp số liệu không phân tích.**			
2	**Tổng số DN từ 25 LĐ trở lên:**	"			*0*				
	***Trong đó:** Số DN đã có CĐ*	"			*0*				
3	**Số DN từ 10 đến dưới 25 LĐ:**	"			*0*				
	***Trong đó:** Số DN đã có CĐ*	"			*0*				
III/	**TỔNG SỐ ĐOÀN VIÊN CÔNG ĐOÀN**	Người	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*
	Trong đó: Đoàn viên CĐ là nữ	"			*0*	**Không phân tích**			
1	**Hành chính sự nghiệp nhà nước:**	"			*0*	*0*	*0*	*0*	**0**
	Trong đó: - Hành chính nhà nước	"			*0*	0			
	- Sự nghiệp công lập	"			*0*	0			
	- Xã, phường, thị trấn	"			*0*	0			
2	**Khu vực sản xuất, kinh doanh:**	"	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*
2.1	Doanh nghiệp nhà nước	"			*0*	0			
2.2	Sự nghiệp ngoài công lập	"			*0*	0			
2.3	*Liên doanh nước ngoài*	"			*0*	0			
2.4	*100% vốn nước ngoài*	"			*0*	0			
2.5	*Công ty cổ phần*	"			*0*	0			
2.6	*Công ty TNHH*	"			*0*	0			
2.7	*Doanh nghiệp tư nhân*	"			*0*	0			
2.8	*Hợp tác xã*	"			*0*	0			
2.9	*Nghiệp đoàn*	"			*0*	0			
2.10	*Loại hình khác*	"	0	0	*0*	0	0	0	0
II/	**TỔNG SỐ CÔNG ĐOÀN CẤP CƠ SỞ**	CĐCS	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*
1	**Hành chính sự nghiệp nhà nước:**	"	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*
	Trong đó: - Hành chính nhà nước	"			*0*	0			
	- Sự nghiệp công lập	"			*0*	0			
	- Xã, phường, thị trấn	"			*0*	0			
2	**Khu vực sản xuất, kinh doanh:**	"	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*
2.1	Doanh nghiệp nhà nước	"			*0*	0			
2.2	Sự nghiệp ngoài công lập	"			*0*	0			
2.3	*Liên doanh nước ngoài*	"			*0*	0			
2.4	*100% vốn nước ngoài*	"			*0*	0			

T	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng đầu kỳ báo cáo *(SL kỳ cuối của BC trước)*	Số lượng cuối kỳ báo cáo *(số liệu thời điểm BC)*	Chênh lệch so với đầu kỳ	Phân tích diễn biến số lượng			
						Các yếu tố tăng		Các yếu tố giảm	
						Phát triển mới	Chuyển đến	Chuyển đi	Giảm khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5-4*	*7 = 6 - 8+9+10*	*8*	*9*	*10*
.5	*Công ty cổ phần*	"			***0***	0			
.6	*Công ty TNHH*	"			***0***	0			
.7	*Doanh nghiệp tư nhân*	"			***0***	0			
.8	*Hợp tác xã*	"			***0***	0			
.9	*Nghiệp đoàn*	"			***0***	0			
10	*Loại hình khác*	"			***0***	0			

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

NGƯỜI LẬP

Ghi chú :

1. Báo cáo PTĐV định kỳ một năm 02 lần, cụ thể báo cáo 6 tháng chốt số liệu thết ngày 31/5 và gửi BC về LĐLĐ tỉnh trước ngày 01/6; cả năm chốt số liệu hết 30/11 gửi BC về LĐLĐ tỉnh trước ngày 10/11 hàng năm.

2. Các đơn vị: Lập bảng phụ lục Báo cáo về thành lập CĐCS theo Phương pháp mới kèm theo Báo cáo này.

3. Chỉ điền số liệu vào các ô màu trắng (Ô màu xanh đã đặt hàm tính Excel tự tính, không được điền số liệu); Cột 7 (phát triển mới) luôn luôn có kết quả dương (+), hoặc bằng 0, không được để kết quả âm (-).

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI
LĐLĐ HUYỆN, TP (NGÀNH).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 2

BÁO CÁO CHI TIẾT CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ
về số liệu CNVCLĐ và đoàn viên công đoàn năm 2021

TT	Tên CĐCS trực thuộc	Tổng số		Tổng số		Phân tích diễn biến đoàn viên				Ghi chú
		CNVC LĐ	Đoàn viên	CNVC LĐ nữ	ĐV nữ	Phát triển mới	chuyển đến	chuyển đi	giảm khác	
I	Hành chính nhà nước:									
1										
3	.....									
II	Sự nghiệp công lập:									
	.....									
III	Xã, phường, Thị trấn:									
	.....									
IV	Sự nghiệp ngoài công lập:									
	.....									
V	Doanh nghiệp Nhà nước:									
VI	Sự nghiệp ngoài công lập:									
VII	Liên doanh nước ngoài:									
VIII	100% vốn nước ngoài									
IX	Cty cổ phần:									
	.....									
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0			

TM. .....
(ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI
LĐLĐ HUYỆN (TP) .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO SỐ LIỆU PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN, CƠ CẤU TỔ CHỨC NGHIỆP ĐOÀN NGHỀ CÁ

TT	ĐƠN VỊ	CNVCLĐ, Đ/viên đến 31/12/ 2020		CNVCLĐ, Đ/viên 31/12/2021		Chênh lệch đoàn viên	Phân tích diễn biến số lượng đoàn viên				SỐ UV BCH	SỐ UV UBKT	SỐ TỔ NGHIỆP ĐOÀN	Số lượng tàu cá
		CNVCLĐ	Đ/viên	CNVCLĐ	Đ/viên		Phát triển mới	Chuyển đến	Chuyển đi	Giảm khác				
	LĐLĐ huyện, TX, TP													
1	NĐ nghề cá ……..													
2	NĐ nghề cá ……..													
3	NĐ nghề cá ……..													
	Tổng cộng:													

Người lập bảng

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 20...
TM. .....